

Số: 71/BC-THNL

Nam Ninh, ngày 06 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT, CDS VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học Nam Lợi

Cán bộ đầu mối phụ trách: Phạm Thị Thương

Chức vụ: Giáo viên

Số điện thoại: 0378590964

II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025- 2026

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Nhà trường xác định ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS) và thống kê giáo dục là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đổi mới hoạt động giáo dục và thực hiện mục tiêu xây dựng trường học số.

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình, UBND xã Nam Ninh, nhà trường đã ban hành và triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo nội bộ như: Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026; Kế hoạch chuyển đổi số; Kế hoạch triển khai học bạ số; Kế hoạch dạy học trực tuyến; Kế hoạch tự đánh giá mức độ chuyển đổi số; Quy chế quản lý và sử dụng hệ thống quản trị số trong nhà trường; Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số và Bộ phận công nghệ thông tin.

Nhà trường tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản chỉ đạo của cấp trên đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên thông qua các cuộc họp hội đồng, sinh hoạt chuyên môn và các nhóm điều hành trên môi trường số. Việc triển khai được thực hiện đồng bộ, có phân công nhiệm vụ cụ thể, gắn trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân trong quá trình thực hiện.

2. Chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị và thống kê giáo dục

2.1. Triển khai cơ sở dữ liệu ngành

Nhà trường thực hiện cập nhật, quản lý và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. Thông tin về cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được cập nhật đầy đủ, chính xác, đảm bảo đồng bộ giữa các hệ thống quản lý.

Công tác rà soát, đối chiếu dữ liệu được thực hiện thường xuyên phục vụ quản lý, báo cáo và thống kê giáo dục.

2.2. Triển khai phần mềm quản lý trường học

Nhà trường duy trì và sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý như: Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, VNEDU, EMIS, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm quản lý tài sản, thiết bị dạy học, phần mềm kế toán và các hệ thống quản lý hành chính khác. Việc ứng dụng các phần mềm góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, giảm hồ sơ giấy, tiết kiệm thời gian xử lý công việc và nâng cao chất lượng điều hành.

2.3. Triển khai dịch vụ công trực tuyến

Nhà trường thực hiện tiếp nhận, xử lý và giải quyết các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giáo dục trên môi trường điện tử theo quy định. Các hồ sơ hành chính được thực hiện thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và hệ thống quản lý văn bản điện tử, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính.

2.4. Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt

Nhà trường phối hợp với các tổ chức tín dụng và phụ huynh học sinh triển khai các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu theo quy định. Việc thanh toán được thực hiện thông qua chuyển khoản ngân hàng, mã QR và các ứng dụng thanh toán điện tử, bảo đảm công khai, minh bạch và thuận tiện cho phụ huynh.

2.5. Triển khai học bạ số

Nhà trường đã triển khai học bạ số đối với 100% học sinh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo viên thực hiện cập nhật đầy đủ kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trên hệ thống phần mềm, đảm bảo chính xác, đúng tiến độ và đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành.

2.6. Triển khai văn bằng số

Nhà trường thực hiện quản lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu liên quan đến văn bằng, chứng nhận theo hướng dẫn của ngành; phối hợp với cơ quan quản lý cấp trên trong việc chuẩn hóa dữ liệu phục vụ triển khai văn bằng số và xác thực thông tin trên môi trường điện tử.

2.7. Công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân

Nhà trường thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định về an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Các thiết bị CNTT được cài đặt phần mềm bảo mật, thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ; hệ thống tài khoản được quản lý chặt chẽ nhằm hạn chế các nguy cơ mất an toàn thông tin.

3. Chuyển đổi số trong công tác dạy và học

3.1. Phát triển, sử dụng học liệu số

Giáo viên tích cực xây dựng và sử dụng bài giảng điện tử, học liệu số, ngân hàng câu hỏi và các tài nguyên dạy học trực tuyến phục vụ giảng dạy. Các tổ chuyên môn duy trì hoạt động chia sẻ học liệu số, góp phần nâng cao chất lượng dạy học và đổi mới phương pháp giáo dục.

3.2. Triển khai thư viện số, thư viện điện tử

Thư viện nhà trường chưa được số hóa tài liệu phục vụ hoạt động dạy học và tra cứu thông tin.

3.3. Tập huấn, phát triển năng lực số

Nhà trường tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và an toàn thông tin do các cấp tổ chức. 100% giáo viên có tài khoản bồi dưỡng thường xuyên trực tuyến, tích cực tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực số và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

3.4. Dạy học trực tuyến, ứng dụng AI trong tổ chức hoạt động giáo dục

Nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến làm phương án dự phòng khi cần thiết; đồng thời khuyến khích giáo viên khai thác hiệu quả các nền tảng số phục vụ dạy học. Giáo viên bước đầu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong thiết kế bài giảng, xây dựng học liệu, thiết kế hình ảnh, video minh họa, xây dựng đề kiểm tra và hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học.

3.5. Các nội dung khác

Nhà trường tích cực tham gia các cuộc thi và sân chơi học tập trực tuyến như IOE, Trang Nguyên Tiếng Việt, VioEdu và các hoạt động giáo dục trên môi trường số. Qua đó góp phần phát triển kỹ năng số, năng lực tự học và khả năng khai thác công nghệ của học sinh.

4. Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”

Thực hiện Kế hoạch số 05/KH-SGDĐT ngày 24/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, nhà trường đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh học sinh.

Nhà trường khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên tự học, tự bồi dưỡng kỹ năng số; hướng dẫn học sinh sử dụng an toàn, hiệu quả các nền tảng học tập trực tuyến và dịch vụ số. Đồng thời tăng cường tuyên truyền đến phụ huynh về việc sử dụng các ứng dụng số trong trao đổi thông tin, thanh toán trực tuyến và tiếp cận các dịch vụ giáo dục trên môi trường số.

5. Công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện chế độ báo cáo

Ban Giám hiệu nhà trường thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục tại các tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan.

Nội dung kiểm tra tập trung vào việc cập nhật cơ sở dữ liệu ngành, sử dụng các phần mềm quản lý, thực hiện hồ sơ điện tử, xây dựng học liệu số, triển khai học bạ số và các chỉ tiêu chuyển đổi số theo kế hoạch của nhà trường.

Công tác báo cáo được thực hiện đầy đủ, đúng thời gian quy định. Nhà trường hoàn thành các kỳ báo cáo thống kê đầu năm, giữa năm, cuối năm và các báo cáo chuyên đề theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên; đảm bảo số liệu chính xác, kịp thời và thống nhất trên các hệ thống quản lý.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU

STT	Nội dung nhiệm vụ/Chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Ghi chú/ Khó khăn
1	Chuyển đổi số trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá			
1.1	Cơ sở giáo dục (CSGD) khai thác phần mềm quản lý học tập (LMS) trong hoạt động dạy học trực tuyến, theo dõi và phân tích quá trình học tập của người học	Có/Không	Có	<i>Một số PH chưa có kinh phí để đăng kí cho HS học tập trực tuyến.</i>
1.2	Số lượng mô hình dạy học tiên tiến (lớp học thông minh, học tập tương tác) đã triển khai	Mô hình	0	<i>Chưa có kinh phí triển khai</i>
1.3	Tỷ lệ giáo viên được tập huấn kỹ năng ứng dụng AI và năng lực số	%	100	
1.4	Tỷ lệ giáo viên thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính	%	100	
1.5	Số lượng học liệu số dùng chung được xây dựng mới trong năm học 2025-2026	SL	2	
2	Quản trị nhà trường và cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành			

2.1	CSGD triển khai phần mềm quản trị trường học kết nối thông suốt với CSDL ngành	Có/Không	Có	
2.2	Tỷ lệ người học, nhà giáo được định danh và quản lý bằng hồ sơ số (mục tiêu 100%)	%	100	
2.3	Tỷ lệ cơ sở vật chất, thiết bị được quản lý bằng hồ sơ số (mục tiêu 80%)	%	60	
2.4	Kết quả triển khai học bạ số và văn bằng số	Mô tả	<i>100% học bạ của học sinh là học bạ số</i>	
3	Dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt			
3.1	CSGD triển khai dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học	Có/Không	Không	
3.2	CSGD thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt	Có/Không	Có	
3.3	CSGD triển khai kết nối phần mềm quản lý học phí với Nền tảng thanh toán trực tuyến Cổng DVC quốc gia	Có/Không	Có	
4	Hạ tầng, nhân lực và an toàn thông tin			
4.1	Số lượng đường truyền có kết nối Internet băng thông rộng	Có/Không	Có	
4.2	CSGD đã triển khai giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường	%	100	
4.3	Số lượng cuộc tự kiểm tra rà soát an toàn, an ninh thông tin trong năm của đơn vị	Cuộc	5	

4.4	Kết quả triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" tại đơn vị	Mô tả	Tất cả cán bộ giáo viên, nhân viên đều tham gia phong trào "Bình dân học vụ số"	
-----	---	-------	---	--

Căn cứ Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Trường Tiểu học Nam Lợi đã tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025-2026 và đạt kết quả như sau:

Tổng điểm chuyển đổi số trong dạy học: **77/100 điểm**.

Tổng điểm chuyển đổi số trong quản trị nhà trường: **87/100 điểm**.

Mức độ chuyển đổi số tự đánh giá: **Mức độ 3**.

Kết quả tự đánh giá cho thấy nhà trường đã triển khai tương đối đồng bộ các nhiệm vụ chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, dạy học và kiểm tra đánh giá; từng bước xây dựng môi trường giáo dục số an toàn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ

1. Ưu điểm

Trong năm học 2025-2026, công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục của nhà trường đã đạt được nhiều kết quả tích cực:

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các kế hoạch, quy chế, quyết định và văn bản chỉ đạo liên quan đến ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục theo đúng hướng dẫn của các cấp quản lý.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được triển khai đồng bộ, có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng bộ phận, cá nhân; các nhiệm vụ chuyển đổi số được lồng ghép hiệu quả trong hoạt động quản lý và chuyên môn.

Hoàn thành việc cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành, bảo đảm đầy đủ, chính xác và đúng tiến độ; tỷ lệ cập nhật đạt 100%.

Triển khai học bạ số đối với toàn bộ học sinh của nhà trường; 578/578 học sinh được quản lý và cập nhật kết quả học tập trên hệ thống điện tử, đạt tỷ lệ 100%.

100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý, hồ sơ điện tử, hệ thống cơ sở dữ liệu ngành và các nền tảng số phục vụ công tác chuyên môn.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học; giáo viên tích cực xây dựng bài giảng điện tử, học liệu số và bước đầu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong thiết kế bài giảng, xây dựng đề kiểm tra và tổ chức hoạt động giáo dục.

Công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng được quan tâm thực hiện; không để xảy ra sự cố mất an toàn thông tin hoặc rò rỉ dữ liệu trong năm học.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ báo cáo, thống kê giáo dục theo quy định; số liệu báo cáo bảo đảm chính xác, thống nhất trên các hệ thống quản lý.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của nhà trường vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như:

Kinh phí đầu tư cho công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nâng cấp hạ tầng mạng, bảo trì thiết bị và mua sắm phần mềm còn hạn chế, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện một số nhiệm vụ.

Một bộ phận giáo viên còn hạn chế trong việc khai thác sâu các nền tảng số, phần mềm chuyên dụng và các công cụ trí tuệ nhân tạo phục vụ đổi mới phương pháp dạy học.

Hiện nay vẫn còn tình trạng phải cập nhật thông tin trùng lặp trên nhiều hệ thống phần mềm khác nhau như Cơ sở dữ liệu ngành, VNEDU, phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức và các hệ thống chuyên ngành khác, gây áp lực và mất nhiều thời gian cho cán bộ phụ trách.

3. Kiến nghị, đề xuất

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), xây dựng học liệu số, thư viện số và bảo đảm an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên.

Quan tâm đầu tư, hỗ trợ nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị dạy học số và hệ thống mạng Internet cho các cơ sở giáo dục.

Tiếp tục hoàn thiện, liên thông và đồng bộ dữ liệu giữa các phần mềm quản lý nhằm giảm việc nhập liệu nhiều lần đối với cùng một loại thông tin.

Đối với cơ quan quản lý địa phương

Quan tâm bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ nâng cấp thiết bị CNTT, phòng học Tin học, thiết bị trình chiếu và các điều kiện phục vụ chuyển đổi số trong nhà trường.

Tạo điều kiện để nhà trường triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số theo lộ trình của ngành Giáo dục và của địa phương.

Nhà trường sẽ tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế; tập trung nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 của Trường Tiểu học Nam Lợi./.

Nơi nhận:

- Phòng Văn hóa-Xã hội;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Lưu Thị Minh Hương